BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2010/TT-BGTVT *Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2010*

THÔNG TƯ
Công bố Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Bình

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình tại Công văn số 2474/UBND ngày 22 tháng 10 năm 2009;

Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Bình như sau:

Điều 1. Công bố Vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình

1. Vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình, bao gồm:

a) Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng của các cảng biển sau đây:

- Cảng biển Quảng Bình: cầu cảng Gianh và cầu cảng Xăng dầu trên sông Gianh;
- Cảng biển Hòn La: cầu cảng số 1.

b) Vùng nước của luồng cảng biển, luồng nhánh cảng biển, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão thuộc các cảng biển quy định tại điểm a khoản này.

2. Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão khác được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình

Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Cảng biển Quảng Bình:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm CG1, CG2, CG3 và CG4 có tọa độ sau đây:

CG1: 17°42’40”N, 106°29’00” E;

CG2: 17°42’40”N, 106°31’00” E;

CG3: 17°42’10”N, 106°31’00” E;

CG4: 17°42’10”N, 106°29’00” E.

b) Ranh giới trên sông Gianh: được giới hạn từ điểm CG1 và CG4 chạy dọc theo hai bờ sông Gianh đến đường thẳng cắt ngang sông cách mép cầu cảng Xăng dầu trên sông Gianh 200m về phía thượng lưu.

2. Cảng biển Hòn La

a) Ranh giới về phía biển: là vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm HL1, HL2, HL3, HL4 và HL5 có tọa độ sau đây:

HL_1: 17°57’33”3 N, 106°30’30”7 E;

HL_2: 17°57’33”3 N, 106°33’10”7 E;

HL_3: 17°53’03”3 N, 106°33’10”7 E;

HL_4: 17°53’03”3 N, 106°29’52” E;

HL_5: 17°55’13”3 N, 106°29’52” E.

b) Ranh giới về phía bờ: được giới hạn từ điểm HL_5 chạy theo mép nước dọc bờ biển xã Quảng Đông về phía Bắc đến điểm HL_1.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão

Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình, được quy định như sau:

1. Cảng biển Quảng Bình

a) Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch: là vùng nước nằm trong hình quạt tròn được giới hạn từ 0° đến 165° có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ:

17° 42’ 27” N, 106°30’ 30” E.

b) Khu neo đậu và khu chuyển tải:

- Đối với tàu chở xăng dầu: tại vùng nước đối diện với cầu cảng Xăng dầu trên sông Gianh;

- Đối với tàu chở hàng khô: tại vùng nước dọc theo xã Quảng Phúc đối diện với cầu cảng Gianh.

c) Khu tránh bão: là vùng nước trên sông Gianh thuộc địa phận xã Quảng Phúc, cho tàu thuyền có trọng tải đến 600 DWT. Tàu thuyền có trọng tải trên 600 DWT khi có bão phải điều động đi tránh bão ra khỏi vùng nước của cầu cảng Gianh và cầu cảng Xăng dầu trên sông Gianh.

2. Cảng biển Hòn La

Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch: là vùng nước nằm trong hình quạt tròn được giới hạn từ 45^{o} đến 225^{o} có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ:

17^{o}54’55” N, 106^{o}31’47” E.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải Quảng Bình

Cảng vụ hàng hải Quảng Bình có trách nhiệm:

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với hoạt động hàng hải trong vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình;

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước quy định tại Điều 3 của Thông tư này, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình

Ngoài phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Thông tư này, Cảng vụ hàng hải Quảng Bình còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2010. Bãi bỏ Quyết định số 25/2007/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Bình và những quy định trước đây trái với Thông tư này.

2. Hệ tọa độ quy định trong Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN 2000 và được chuyển đổi sang các Hệ tọa độ tương ứng tại Phụ lục kèm theo.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Quảng Bình, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2010/TT-BGTVT ngày 19/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Bình)

Điểm	Hệ VN-2000		Hệ Hải Đồ		Hệ WGS-84	
	Vĩ Độ (N)	Kinh Độ (E)	Vĩ Độ (N)	Kinh Độ (E)	Vĩ Độ (N)	Kinh Độ (E)
Vùng nước cảng biển						
Khu vực cảng biển Quảng Bình						
CG1	17^{0}42’40”	106^{0}29’00”	17^{0}42’37”	106^{0}28’49”	17^{0}42’36”	106^{0}29’07”
CG2	17^{0}42’40”	106^{0}31’00”	17^{0}42’37”	106^{0}30’49”	17^{0}42’36”	106^{0}31’07”
CG3	17^{0}42’10”	106^{0}31’00”	17^{0}42’07”	106^{0}30’49”	17^{0}42’06”	106^{0}31’07”
Khu vực cảng biển Hòn La						
HL1	17^{0}57’33”	106^{0}30’31”	17^{0}57’30”	106^{0}30’20”	17^{0}57’30”	106^{0}30’37”
HL2	17^{0}57’33”	106^{0}33’11”	17^{0}57’30”	106^{0}33’00”	17^{0}57’30”	106^{0}33’17”
HL3	17^{0}53’03”	106^{0}33’11”	17^{0}53’00”	106^{0}33’00”	17^{0}53’00”	106^{0}33’17”
HL4	17^{0}53’03”	106^{0}29’41”	17^{0}53’00”	106^{0}29’30”	17^{0}53’00”	106^{0}29’47”
HL5	17^{0}55’13”	106^{0}29’41”	17^{0}55’10”	106^{0}29’30”	17^{0}55’10”	106^{0}29’47”
Vùng đón trả hoa tiêu - vùng kiểm dịch						
Khu vực cảng biển Quảng Bình						
Tâm vùng đón trả Hoa tiêu - kiểm dịch	17^{0}42’27”	106^{0}30’30”	17^{0}42’24”	106^{0}31’19”	17^{0}42’23”	106^{0}30’37”
Khu vực cảng biển Hòn La						
Tâm vùng đón trả Hoa tiêu kiểm dịch	17^{0}54’55”	106^{0}31’47”	17^{0}54’52”	106^{0}31’37”	17^{0}54’52”	106^{0}31’54”